

# CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TẠI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

TRẦN THỊ VÀNH KHUYÊN\*

Ngày nhận bài: 19/07/2017; ngày sửa chữa: 17/08/2017; ngày duyệt đăng: 23/08/2017.

**Abstract:** The article analyzes the situation of vocational training for rural labours in Mekong Delta and points out shortcomings in vocational training in the delta. Also, the article proposes some solutions to improve quality of rural labours meeting requirements of industrialization and modernization in the agriculture and rural areas in the Mekong Delta.

**Keywords:** Vocational training, rural labours, the Mekong Delta.

## 1. Kết quả đạt được trong công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn (LĐNT) tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL)

Từ khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 phê duyệt Đề án “Dạy nghề cho LĐNT đến năm 2020”, nhận thức của cán bộ, đảng viên và người dân ở vùng ĐBSCL về dạy nghề, phát triển nhân lực nông thôn nhìn chung có sự chuyển biến tích cực. Số người đăng kí học nghề hàng năm đều tăng; người dân có sự nhận thức sâu sắc hơn về nghề nghiệp, từ chỗ học theo phong trào, học để nhận tiền hỗ trợ, học chỉ để cho biết, chuyển sang học nghề để tìm việc làm, học theo nhu cầu của xã hội.

Số lượng người LĐNT tham gia học nghề tại các địa phương vùng ĐBSCL tăng lên đáng kể qua các năm:

*Đơn vị tính: người*

Năm	2010 và 2011	6/2013	2014	2015	2016
Số lượng	183.740	81.300	121.000	140.000	80.050

*Nguồn: Tổng hợp từ [1], [2], [3], [4]*

Trong đó, số LĐNT sau học nghề có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất chất lượng cao hơn, đạt khoảng 80%. Việc thực hiện chỉ tiêu hỗ trợ đào tạo nghề cho LĐNT trong vùng cơ bản đạt mục tiêu kế hoạch đề ra [5].

Nhiều mô hình dạy nghề đa dạng, sáng tạo đã xuất hiện như dạy nghề tại các doanh nghiệp, dạy nghề cho các khu công nghiệp, liên kết giữa cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp đóng trên địa bàn... Góp phần giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực địa phương, thực hiện đạt kết quả bước đầu tiêu chí “Thu nhập, hộ nghèo và tỉ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm thường xuyên” trong công cuộc xây dựng nông thôn mới trên địa bàn nhiều tỉnh trong vùng.

Các địa phương ngày càng chủ động hơn trong việc xây dựng kế hoạch đào tạo nghề hàng năm, gắn

đào tạo nghề với quy hoạch phát triển sản xuất, quy hoạch xây dựng nông thôn mới tại địa phương. Địa phương cũng đã chủ động rà soát danh mục nghề đào tạo, chỉ đạo thực hiện phương châm “chỉ đào tạo nghề khi xác định được việc làm và thu nhập sau học nghề trước khi tổ chức dạy nghề”; tình trạng chạy theo số lượng để hoàn thành chỉ tiêu đã được khắc phục tích cực; dạy nghề gắn với thế mạnh địa phương, với quy hoạch phát triển sản xuất, quy hoạch phát triển KT-XH và quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

Đội ngũ giáo viên đào tạo nghề phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng, trình độ đào tạo, kĩ năng sư phạm dạy nghề. Về số lượng: toàn vùng có tổng số 6.678 giáo viên, giảng viên tham gia dạy nghề; trong đó, giáo viên dạy ở các trường nghề là 2.601 giáo viên (1.273 giáo viên dạy ở trường cao đẳng nghề, 1.328 giáo viên dạy ở trường trung cấp nghề), 1.413 giáo viên dạy ở trung tâm dạy nghề và 2.664 giáo viên dạy ở các cơ sở khác có dạy nghề. Như vậy, số lượng giáo viên dạy nghề năm 2015 tăng 1,68 lần so với năm 2010. Về chất lượng: Chất lượng giáo viên từng bước được nâng lên cả về trình độ đào tạo, kĩ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm dạy nghề: Về cơ bản, giáo viên trong các trường nghề đã đạt chuẩn về trình độ đào tạo, trong đó giáo viên dạy ở trường cao đẳng nghề có trình độ đại học trở lên là 87,75%, giáo viên dạy ở các trường trung cấp nghề có trình độ đại học trở lên là 70,26%, giáo viên dạy ở các trung tâm dạy nghề có trình độ đại học trở lên là 48,55% [5].

Mạng lưới cơ sở dạy nghề trong thời gian qua tại vùng ĐBSCL đã phát triển mạnh cả về quy mô và chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Hệ thống dạy nghề của vùng đã hình thành mạng lưới đa dạng với 176 cơ sở dạy nghề (cơ sở dạy nghề công lập chiếm 77,8%), trong đó có: 17 trường cao đẳng nghề (tăng 6 trường

\* Học viện Hành chính Quốc gia

tương đương 65,2% so với năm 2010), 34 trường trung cấp nghề (tăng 4 trường tương đương 13,33% so với năm 2010), 125 trung tâm dạy nghề (tăng 7 trung tâm tương đương 5,93% so với năm 2010). Nếu tính cả các cơ sở khác có dạy nghề thì mạng lưới cơ sở dạy nghề toàn vùng có 364 cơ sở dạy nghề. Đặc biệt, thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ, mạng lưới trung tâm dạy nghề cấp huyện đã được mở rộng, có 119/131 đơn vị cấp huyện có cơ sở dạy nghề công lập đóng trên địa bàn [5].

## **2. Một số tồn tại trong công tác đào tạo nghề cho LĐNT tại vùng ĐBSCL**

**2.1. Một số tồn tại.** Kết quả dạy nghề cho LĐNT mặc dù có tăng nhưng vẫn chưa đạt được mục tiêu, kế hoạch đề ra. Tỷ lệ người lao động có việc làm sau học nghề thấp. Lao động học một số nghề phi nông nghiệp chưa tìm được việc làm, do thị trường tại chỗ không có nhu cầu hoặc do tay nghề chưa đáp ứng được yêu cầu; một số lao động học nghề nông nghiệp, sản phẩm làm ra không tiêu thụ được hoặc tiêu thụ rất khó khăn. Việc triển khai đặt hàng dạy nghề trình độ trung cấp, cao đẳng cho một số đối tượng đạt thấp.

Kết quả, hiệu quả dạy nghề cho LĐNT không đồng đều giữa các địa phương trong vùng. Hiện nay, một số tỉnh làm tốt công tác này như Cần Thơ, Bến Tre, Đồng Tháp với tỉ lệ LĐNT có việc làm sau học nghề cao hơn so với mặt bằng chung của vùng; ngược lại, ở một số tỉnh, hiệu quả dạy nghề cho LĐNT còn chưa cao.

Việc xác định danh mục nghề đào tạo cho LĐNT, nhất là danh mục nghề nông nghiệp ở một số địa phương vẫn còn dàn trải, chưa bám sát nhu cầu thực tiễn của thị trường, chưa xuất phát từ quy hoạch sản xuất nông nghiệp, quy hoạch xây dựng nông thôn mới và yêu cầu làm nông nghiệp tiên tiến hiện đại gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp dẫn đến hiệu quả sau học nghề không cao.

Đội ngũ giáo viên, người dạy nghề còn thiếu, chất lượng chưa đáp ứng. Ngành nghề đào tạo cho LĐNT rất đa dạng, phong phú cho nên các cơ sở dạy nghề phải huy động thêm và kí hợp đồng với cán bộ kĩ thuật, kĩ sư chuyên ngành, nghệ nhân, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các trung tâm khuyến nông, khuyến ngư... tham gia dạy nghề. Do số giáo viên cơ hữu, nhất là giáo viên dạy kĩ thuật nông nghiệp không nhiều nên các cơ sở dạy nghề rất bị động khi mở lớp, hơn nữa do giáo viên là cán bộ kĩ thuật của ngành nông nghiệp (khuyến nông, phòng nông nghiệp...) nên chỉ có thể dạy vào các ngày thứ bảy, chủ nhật [4].

Việc đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề ban đầu còn dàn trải, thiếu đồng bộ. Nhiều cơ sở dạy nghề mới chỉ đầu tư thiết bị dạy nghề cho một số nghề hoặc xây dựng một phần cơ sở vật chất nhưng đã được huy động tham gia dạy nghề cho LĐNT. Đến nay vẫn còn một số cơ sở dạy nghề huyện được thành lập theo chủ trương của Trung ương nhưng mới chỉ được đầu tư mức thấp, dẫn đến thiết bị dạy nghề còn thiếu thốn, rất khó khăn trong thực hành nghề. Một số địa phương, công tác quy hoạch, phê duyệt Đề án thành lập cơ sở dạy nghề còn chưa tốt. Trong khi quy mô và tổng mức đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề lớn nhưng lại chỉ chờ nguồn hỗ trợ của Trung ương, không chủ động bố trí nguồn lực địa phương đối ứng hoặc huy động xã hội hóa, dẫn đến việc đầu tư dàn trải, nhiều cơ sở chưa hoàn thành việc quy hoạch [5].

**2.2. Nguyên nhân của những tồn tại.** Vùng Tây Nam bộ là vùng còn nhiều khó khăn, kinh tế kém phát triển, đời sống nhân dân chủ yếu là dựa vào nông nghiệp, nhất là cơ sở hạ tầng văn hóa, xã hội còn rất thấp. Điều này ảnh hưởng lớn đến việc bố trí việc làm sau đào tạo nghề cho người lao động.

Đặc biệt là người LĐNT - đối tượng thụ hưởng của chính sách có nhiều nét riêng so với các vùng khác. Vùng ĐBSCL có lực lượng lao động dồi dào nhưng chất lượng thấp cả về trình độ chuyên môn kĩ thuật, kĩ năng nghề nghiệp. Theo thống kê năm 2015, tỉ lệ lao động tham gia trong nền kinh tế đã qua đào tạo của vùng là 11,4%, thấp nhất so với các vùng khác trong cả nước. Tâm lí người dân coi trọng bằng cấp đại học, cao đẳng còn phổ biến nên việc tuyển sinh đào tạo nghề gặp nhiều khó khăn. Đời sống của người dân tộc thiểu số (người Khmer chiếm 6,93%, người Hoa chiếm 1,11%, người Chăm chiếm 0,09%, còn lại là các dân tộc khác) còn khó khăn nên họ chỉ tập trung lo phát triển kinh tế và tỏ ra khá "thờ ơ" với các vấn đề chính trị [6]. Học viên đa số là LĐNT nghèo và là lao động chính của gia đình nên khi đến mùa vụ hoặc có người thuê mướn lại xin nghỉ học đi làm để có thu nhập nuôi sống gia đình. Vì vậy, sĩ số lớp luôn biến động, ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo.

Chính sách hỗ trợ đối với người LĐNT, chính sách đối với người đào tạo nghề, đối với các cơ sở đào tạo nghề chưa hoàn thiện nên các đối tượng thực hiện chính sách kể cả các cơ quan thực hiện gặp khó khăn trong triển khai vì thế kết quả, hiệu quả chính sách chưa cao.

Công tác tổ chức triển khai đào tạo nghề cho LĐNT chưa nhận được sự quan tâm mạnh mẽ của toàn bộ hệ thống chính trị. Hơn nữa, sự phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể trong công tác tuyên truyền chính

sách, hoạt động khảo sát nhu cầu của người LĐNT, xây dựng kế hoạch hàng năm, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ... còn chưa chặt chẽ, thiếu tính thường xuyên.

Năm 2016, kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho LĐNT nằm trong Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới; do đó, các địa phương gặp nhiều lúng túng trong việc xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí cho đào tạo nghề; công tác phân bổ chậm (đến tháng 4-5, có tỉnh đến tháng 7, tháng 8 hàng năm mới bố trí được kinh phí) [5]. Do vậy, các hoạt động đào tạo nghề không diễn ra liên tục và chưa đảm bảo kế hoạch.

Hiện nay, cùng với chính sách hỗ trợ dạy nghề cho LĐNT theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Dạy nghề cho LĐNT đến năm 2020”, còn có các chính sách, chương trình, dự án, đề án khác sử dụng ngân sách Nhà nước để dạy nghề cho lao động khu vực nông thôn do các Bộ, ngành quản lý, chỉ đạo thực hiện, nên có sự phân tán nguồn lực, trùng lặp đối tượng thụ hưởng và khó khăn trong theo dõi, thống kê, tổng hợp kết quả, hiệu quả dạy nghề.

### **3. Giải pháp nâng cao chất lượng công tác đào tạo nghề cho LĐNT vùng ĐBSCL**

Để công tác đào tạo nghề cho LĐNT ở ĐBSCL nói riêng, cả nước nói chung trong thời gian tới đạt kết quả như mong đợi, chính quyền địa phương cần tiến hành các giải pháp sau đây:

**3.1. Tăng cường hoạt động tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, xã hội và người dân lao động về vai trò của đào tạo nghề.** Công tác này cần được tiến hành dưới nhiều hình thức như hằng ngày, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, phát thanh, truyền hình, sách báo (cả tiếng Khmer) chuyển tải đến bà con đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, nêu gương điển hình; thông qua các tổ chức Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân... Các tổ chức đoàn thể kết hợp với Hội đoàn kết sư sãi yêu nước, vận động các vị sư trong chùa xen kẽ nội dung sinh hoạt truyền thống cộng đồng trong chùa với việc tuyên truyền, vận động bà con. Kinh nghiệm cho thấy các vị sư sãi có vai trò và ảnh hưởng rất lớn đối với bà con dân tộc nên khi có sự tham gia của các vị sư thì hiệu quả công tác tuyên truyền sẽ được nâng lên [6].

**3.2. Rà soát, kiểm tra, đánh giá các cơ sở dạy nghề thuộc phạm vi quản lý của ngành, địa phương** theo các tiêu chí: kết quả tuyển sinh; hiệu quả đào tạo; hiệu suất sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị; thực trạng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề. Trên cơ sở đó có phương án sắp xếp lại các cơ sở dạy nghề theo hướng:

- Có phương án chuyển giao, sáp nhập, giải thể các cơ sở công lập hoạt động không hiệu quả. Đồng thời tập trung chỉ đạo các cơ sở dạy nghề đang hoạt động tốt đẩy mạnh thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động dạy nghề gắn với tích cực triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

- Triển khai việc thực hiện việc sáp nhập 3 trung tâm ở cấp huyện (trung tâm dạy nghề, trung tâm kĩ thuật tổng hợp hướng nghiệp, trung tâm GDTX) theo quy định tại Thông tư số 39/2015/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BNV ngày 19/10/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ GD-ĐT, Bộ Nội vụ.

- Đẩy mạnh liên kết, hợp tác giữa các cơ sở dạy nghề trong từng địa phương và trong vùng để khai thác, sử dụng có hiệu quả năng lực cơ sở vật chất, thiết bị, đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý.

**3.3. Triển khai mạnh mẽ, đồng bộ các yếu tố đảm bảo chất lượng đào tạo**, cụ thể là: đổi mới chương trình đào tạo theo chuẩn năng lực, chuẩn đầu ra; chuẩn hóa đội ngũ giáo viên cả về số lượng và chất lượng; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề cho các cơ sở đào tạo nghề nghiệp của Vùng; tập trung xây dựng các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề có năng lực đào tạo nghề chất lượng cao; phát triển các nghề trọng điểm đạt chuẩn.

**3.4. Đa dạng các hình thức, phương pháp đào tạo** theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các trình độ; phù hợp với điều kiện tự nhiên; điều kiện lao động và tập quán dân cư trong vùng. Mở rộng hình thức dạy nghề theo hợp đồng đào tạo hoặc đặt hàng giữa cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp; gắn kết chặt chẽ giữa cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp.

**3.5. Chủ động bố trí kinh phí từ ngân sách của địa phương, thực hiện lồng ghép huy động các nguồn lực** từ các chương trình, dự án để cùng với nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề. Bên cạnh đó, cần tăng cường sự tham gia của cá nhân và tổ chức trong đào tạo nghề, nhất là khuyến khích các cơ sở đào tạo nghề tư nhân tham gia nhằm đáp ứng tốt nhất các nhu cầu học nghề của LĐNT.

Ngoài các nỗ lực của chính quyền địa phương đã nêu trên, cơ quan nhà nước cấp trên cần tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các địa phương thực hiện công tác này với những đề xuất sau:

- Trước hết, hoàn thiện các chính sách đối với người lao động theo hướng mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách, điều chỉnh định mức hỗ trợ chi phí dạy nghề cho người lao động phù hợp với giá cả thị trường

hiện nay. Hoàn thiện chính sách đối với đội ngũ giáo viên đào tạo nghề bao gồm định mức lao động, phụ cấp đặc thù đối với giáo viên dạy nghề thực hành nhằm thu hút những người giỏi chuyên môn và kỹ năng nghề. Xây dựng chính sách nhằm thu hút nghề nhân, những người có kinh nghiệm và tay nghề cao trong sản xuất làm giáo viên đào tạo nghề.

- Cần có chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất vào vùng, không chỉ các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp mà cả doanh nghiệp công nghiệp, dịch vụ để phát triển sản xuất, tạo việc làm cho người lao động trong vùng. Đây chính là biện pháp “gỡ nút thắt cổ chai” để công tác đào tạo nghề thực sự có chất lượng.

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cần tăng mức đầu tư cho các tỉnh vùng ĐBSCL để thực hiện các dự án ưu tiên đã được phê duyệt trong việc tăng cường hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, đào tạo giáo viên, hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng. □

#### Tài liệu tham khảo

[1] Ban chỉ đạo Tây Nam Bộ (2011). Báo cáo số 37-BC/BCĐTNB ngày 27/12/2011 về tình hình 02 năm thực hiện đề án dạy nghề cho lao động nông thôn theo quyết định 1956/QĐ-TTg trên địa bàn Tây Nam bộ.

[2] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2013). Báo cáo kết quả dạy nghề, tạo việc làm và chăm lo cho đối tượng chính sách vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

[3] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2015). Báo cáo kết quả thực hiện năm 2014, phương hướng nhiệm vụ năm 2015 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

[4] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2016). Báo cáo kết quả thực hiện năm 2015, phương hướng, nhiệm vụ năm 2016 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

[5] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2016). Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 và kết quả 02 năm thực hiện Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 29/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

[6] Nguyễn Quốc Dũng - Võ Thị Kim Thu (2016). Giảm nghèo đối với đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong quá trình phát triển bền vững. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[7] Thủ tướng Chính phủ (2009). Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 phê duyệt Đề án “Dạy nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

[8] Thủ tướng Chính phủ (2015). Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 1/7/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Dạy nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

## Đào tạo/bồi dưỡng đội ngũ giáo viên...

(Tiếp theo trang 103)

về kinh phí và cơ sở vật chất cho các hoạt động BD của các trường dạy nghề.

Cán bộ lãnh đạo, quản lý và đội ngũ GV các trường dạy nghề phải thấy rõ được trách nhiệm, yêu cầu tất yếu về ĐT/BD GV theo chuẩn nghề nghiệp, từ đó nỗ lực, tự giác trong thực hiện chương trình BD theo đúng nội dung, mục tiêu đề ra. Việc nâng cao phẩm chất chính trị, trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực cho đội ngũ GV là hướng tới mục tiêu chuẩn hóa, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, ĐT hiện nay.

Hoạt động BD chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ GVDN phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, linh hoạt với các biện pháp đồng bộ; phải được làm một cách khoa học, chặt chẽ, đảm bảo đúng các khâu của quá trình thực hiện mục tiêu, chương trình.

\*\*\*

Nâng cao chất lượng đội ngũ GVDN là động lực, là một yếu tố quan trọng đảm bảo nâng cao sức cạnh tranh của nguồn nhân lực trên thế giới và trong khu vực. Có thể coi đầu tư phát triển GVDN là đầu tư “nguồn lực cơ bản” trong các nguồn lực phục vụ phát triển nguồn nhân lực cho xã hội. Trong quá

trình triển khai chủ trương của Đảng, Nhà nước ta về đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam, phát triển đội ngũ GVDN đảm bảo chuẩn nghề nghiệp cần được coi là một nhiệm vụ trọng tâm, mang tính đột phá trong nâng cao chất lượng ĐT nghề; trong đó, công tác ĐT/BD đội ngũ GV trong các trường dạy nghề đảm bảo chuẩn nghề nghiệp có ý nghĩa vô cùng quan trọng. □

#### Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2010). Thông tư số 30/2010/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 29/9/2010 quy định chuẩn giáo viên, giảng viên dạy nghề.

[2] Thủ tướng Chính phủ (2011). Quyết định số 1216/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020.

[3] Quốc hội (2006). Luật Dạy nghề.

[4] Quốc hội (2014). Luật Giáo dục nghề nghiệp.

[5] Phạm Ngọc Anh (2004). Nội dung và biện pháp bồi dưỡng trình độ sư phạm cho giáo viên trường cao đẳng kỹ thuật ở Việt Nam. Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

[6] Trần Hùng Lượng (2003). Một số giải pháp bồi dưỡng năng lực sư phạm kỹ thuật cho đội ngũ giáo viên dạy nghề Việt Nam hiện nay. Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.